

Bản án số: 97/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Châm

2. Bà Vương Thị Thu Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2026/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị V, sinh năm 1989. Số CCCD: 015189010661. Địa chỉ: Thôn N, xã M, tỉnh Lào Cai (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1986. Số CCCD: 015086008507. Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Lào Cai.

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam S – Cục C - Bộ C1. Địa chỉ: Thôn C, xã B, thành phố Hà Nội (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị V trình bày: Tôi và anh Hoàng Văn P kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 21/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 4/2014 cho đến nay. Tôi được biết tháng 01/2024 anh P bị bắt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và hiện nay anh P đang chấp hành án tại Đội số 17, phân trại 1, trại giam সুই B, thôn C, xã B, thành phố Hà Nội. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Hoàng Văn P.

Về con chung: Có 02 cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 12/6/2009; Hoàng Ngọc L, sinh ngày 16/7/2014. Hiện nay hai cháu đang ở cùng tôi. Khi ly hôn tôi nhận nuôi hai con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Công việc của tôi hiện nay làm Công ty thu nhập một tháng 10.000.000 đồng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Tôi nhận chịu cả án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại biên bản tổng đạt bị đơn anh Hoàng Văn Phúc trình B: Tôi đồng ý ly hôn. Về con do hiện nay tôi đang chấp hành án nên tôi đồng ý cho chị V tạm thời nuôi con, nhưng sau khi tôi chấp hành án xong tôi làm đơn thay đổi quyền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị V được ly hôn anh Hoàng Văn P.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 12/6/2009 và Hoàng Ngọc L, sinh ngày 16/7/2014 cho chị Đỗ Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hoàng Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi cháu T, cháu L đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về án phí: Chị Đỗ Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị V và anh Hoàng Văn P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 21 tháng 01 năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Chị V và anh P đều cho rằng hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Chị V xin ly hôn. Anh P đồng ý ly hôn.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị V xin ly hôn. Anh P đồng ý ly hôn. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị V và anh P đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị V được ly hôn anh P là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 02 cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 12/6/2009; Hoàng Ngọc L, sinh ngày 16/7/2014. Khi ly hôn chị V nhận nuôi hai con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Anh P đồng ý. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu được đầy đủ, ổn định và theo nguyện vọng của các cháu muốn được ở với mẹ là chị V. Do vậy cần giao cháu T và cháu L cho chị V nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng về nuôi con chung của chị V không trái với quy định tại Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V đề nghị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đỗ Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị V được ly hôn anh Hoàng Văn P.

2. Về con chung: Có 02 cháu Hoàng Văn T, sinh ngày 12/6/2009; Hoàng Ngọc L, sinh ngày 16/7/2014.

Xử giao cháu Hoàng Văn T và cháu Hoàng Ngọc L cho chị Đỗ Thị V trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Anh Hoàng Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị V phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai số: 0000098 ngày 07 tháng 7 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Đỗ Thị V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị V được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Văn P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3 – Lào Cai
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh Lào Cai
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Cuông, tỉnh Lào Cai
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng